

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Nhật

Phòng thi: B1.203

Môn thi: Tiếng Nhật

Ca thi: 8h30

Ngày thi: 20/01/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TN0031	Đinh Quang	Long	02/06/2000			
2	TN0032	Phạm Đức	Long	07/12/2000			
3	TN0033	Nguyễn Văn	Nam	10/12/2000			
4	TN0034	Trần Bảo	Ngọc	28/03/1999			
5	TN0035	Ngô Tiến	Ninh	23/06/2000			
6	TN0036	Cao Thị Quỳnh	Trang	25/11/2000			
7	TN0037	Vũ Đình	Sang	30/09/1999			
8	TN0038	Vũ Trọng	Thắng	30/03/1999			
9	TN0039	Nguyễn Ngọc	Thanh	07/12/1999			
10	TN0040	Nguyễn Phương	Thảo	31/01/2000			
11	TN0041	Nguyễn Gia	Thọ	25/03/1999			
12	TN0042	Ngô Quang	Thủy	07/09/1999			
13	TN0043	Hoàng Mạnh	Tiến	31/10/2000			
14	TN0044	Dương Kim Tĩnh	Tĩnh	16/09/2000			
15	TN0045	Nguyễn Đức	Toàn	04/05/1999			
16	TN0046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	27/11/2000			
17	TN0047	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/12/1999			
18	TN0048	Kiều Thị	Trang	23/10/2000			
19	TN0049	Nguyễn Thế	Tuân	22/10/2000			
20	TN0050	Nguyễn Duy	Tùng	15/07/2000			
21	TN0051	Lê Quang	Văn	10/09/1999			
22	TN0052	Mai Quốc	Khánh	01/09/1999			
23	TN0053	Đào Đức	Quang	01/08/2000			
24	TN0054	Phan Quốc	Đức	27/08/2000			
25	TN0055	Trịnh	Vi	17/08/2000			

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
26	TN0056	Phạm	Hoàng	04/09/1999			Chưa nộp phiếu dự thi
27	TN0057	Trương Đức	Hường	15/12/2000			Chưa nộp phiếu dự thi
28	TN0058	Hoàng Phương	Nam	16/08/1999			Chưa nộp phiếu dự thi
29	TN0059	Lã Quang	Ngọc	29/09/2000			Chưa nộp phiếu dự thi
30	TN0060	Nguyễn Đức	Quân	21/05/1999			Chưa nộp phiếu dự thi

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)